TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2025/DS-ST
Ngày 25-9-2025
V/v: "Tranh chấp về ngõ đi chung."

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Quang Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Văn Huy**

Ông Nguyễn Đình Hùng

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Nguyễn Văn Hạnh** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội tham gia phiên tòa:* **Bà Trần Thanh Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 163/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 về việc: "Tranh chấp về quyền sử dụng đất ngõ đi chung", Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 18/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2025/QĐHPT-HNGĐST ngày 04/9/2025, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Số 387 Khu T, phố K, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội - nay là: Số 387 Khu T, phố K, xã T, thành phố Hà Nội; có mặt;

- ***Bị đơn***: Anh **Dương Văn P**, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Thôn L, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội - nay là: Thôn L, xã T, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; cùng nơi cư trú: Số 15, tổ 15, phường L, thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

******* *Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:*

Năm 2019, tôi có yêu cầu Tòa án nhân dân huyện G giải quyết ly hôn, việc nuôi con và chia tài sản chung vợ chồng đối với anh Dương Văn P. Tại bản án Hôn nhân và Gia đình số 68/2019/HNGĐ-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội đã có hiệu lực pháp luật đã xử và Quyết định:

- Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H được quyền sở hữu & sử dụng ngôi nhà 2 tầng 01 tum xây dựng trên diện tích đất 63m^2 (đo hiện trạng thực tế là 60.2m^2) thuộc thửa số 43(1)-1, tờ bản đồ số 31 tại Thôn L, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội (đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH07841/1760/QĐ-UBND ngày 09-8-2013 đứng tên Dương Văn P).

- Giao cho anh Dương Văn P được quyền sử dụng 99m^2 đất thuộc thửa số 126, tờ bản đồ số 3 tại xã X, huyện T, tỉnh Bắc Ninh chung thửa với anh Nguyễn Văn A và chị Nguyễn Thị Bích T (đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CS00762 ngày 29-5-2017 đứng tên Nguyễn Văn A, Nguyễn Thị Bích T và Dương Văn P).

- Anh Dương Văn P có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho chị H số tiền 254.299.800 đồng.

Sau khi bản án trên của Tòa án nhân dân huyện G xử xong, anh P đã kháng cáo và sau đó anh P đã rút đơn kháng cáo nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đình chỉ giải quyết vụ án. Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G có hiệu lực pháp luật nên tôi đã làm thủ tục thi hành án và tôi được bàn giao thửa đất trên.

Sau khi được bàn giao thửa đất trên tôi đã làm thủ tục sang tên tại Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh G và được Văn phòng Đăng ký đất đai trả lời là không thực hiện được việc sang tên do bản án của Tòa án nhân dân huyện G còn tuyên thiếu 18,3m^2 đất lối đi chung vào phần nhà, đất tôi được chia. Chính vì vậy, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh G không thực hiện việc sang tên cho tôi.

Nay, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của tôi được thực hiện quyền sở hữu sử dụng tài sản của mình, tôi yêu cầu Tòa án phân chia cho tôi được quyền sử dụng 18,3m^2 đất ngõ đi chung thuộc thửa số 43(1)-1, tờ bản đồ số 31 tại Thôn L, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội (nay là thửa số 43(1)-1, tờ bản đồ số 31 tại Thôn L, xã T, thành phố Hà Nội) để tôi có lối đi vào nhà, đất của mình đã được phân chia theo quyết định của bản án Hôn nhân và Gia đình số 68/2019/HNGĐ-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội và tôi được hoàn tất các thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn là anh Dương Văn P* đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng anh P không đến Toà án và cũng không gửi ý kiến trình bày về yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn của chị H.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị H thống nhất trình bày:* Vào khoảng năm 2010, vợ chồng tôi có nhượng cho chị gái tôi là bà Hoàng Thị D một phần diện tích đất là 63m^2 đất ở và 18,3m^2 là diện tích ngõ đi chung thuộc thửa đất số 43(1)-1, tờ bản đồ số 31, tại Thôn L, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội (nay là Thôn L, xã T, thành phố Hà Nội). Sau này, chị gái tôi không ở trên mảnh đất này và có nhượng lại cho ông thông gia của chị gái tôi là cháu Hoàng Quang Kvà Khúc Thị Ánh H đứng tên thửa đất này. Theo tôi được biết diện tích đất trên các cháu đã chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Dương Văn P. Nay, chị H yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn thì chúng tôi không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án trên theo đúng quy định của pháp luật. Mọi phán quyết của Tòa án gia đình chúng tôi đồng ý và không có ý kiến thắc mắc gì.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng:

+ Toà án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội) đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

+ Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành các trình tự, thủ tục đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung:

Căn cứ các Điều 245, 248, 254 Bộ luật dân sự 2015, Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 và đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H, chị H được sử dụng 18,3m^2(hiện trạng là 16,8m^2) đất ngõ đi chung thuộc thửa số 43(1)-1, tờ bản đồ số 31 tại Thôn L, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội (nay là thửa số 43(1)-1, tờ bản đồ số 31 tại Thôn L, xã T, thành phố Hà Nội).

- Về án phí: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 14/4/2025, chị Nguyễn Thị Thanh H nộp đơn khởi kiện ghi ngày 08/4/2025 đối với anh Dương Văn P về việc: Yêu cầu Tòa án phân chia 18,3m^2 đất ngõ đi chung tại thửa đất số 43(1)-1, tờ bản đồ số 31 tại Thôn L, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội (nay là Thôn L, xã T, thành phố Hà Nội) và công nhận cho chị H được quyền sử dụng 18,3m^2 đất ngõ đi chung đó.

Do đó, Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Theo Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc: Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân quy định: Từ ngày 01/7/2025, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội tiếp nhận thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận L và Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội tiếp tục giải quyết và xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị H yêu cầu Tòa án công nhận cho chị được quyền sử dụng diện tích 18,3m^2 đất ngõ đi chung tại thửa đất số 43(1)-1, tờ bản đồ số 31 tại: Thôn L, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội (nay là Thôn L, xã T, thành phố Hà Nội) gắn liền với diện tích nhà đất chị đã được phân chia theo Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 68/2019/HNGĐ-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội và diện tích ngõ đi chung trên cũng thuộc quyền sử dụng của thửa đất số 43(1), tờ bản đồ số 31, diện tích 141m^2 - tại: Thôn L, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội (nay là Thôn L, xã T, thành phố Hà Nội) do ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị H đang quản lý, sử dụng. Hội đồng xét xử thấy rằng, đây là yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất ngõ đi chung là quan hệ

pháp luật dân sự theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là: Tranh chấp về quyền sử dụng đất ngõ đi chung là có căn cứ.

[2]. Về xác định tư cách của đương sự: Chị Nguyễn Thị Thanh H là người khởi kiện nên là nguyên đơn. Anh Dương Văn P là người bị kiện nên là bị đơn. Ông Hoàng Văn T và bà Nguyễn Thị H là người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về việc vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn - anh Dương Văn P đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh P đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh P vắng mặt không có lý do lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*** Về nội dung**: Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Thanh H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4]. Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất: Ngày 25/8/2005, ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị T được UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 039806 tại thửa đất số 43(1), tờ bản đồ 31, diện tích 141m^2, địa chỉ: Thôn L, xã K, (nay là xã T, thành phố Hà Nội).

Ngày 17/3//2010, ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị T chuyển nhượng toàn bộ sử dụng thửa đất trên cho bà Lê Thị Á theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1513 lập tại Văn phòng công chứng G, Hà Nội. Ngày 29/3/2010, bà Lê Thị Á được UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 889096.

Ngày 24/5/2010, bà Lê Thị Á chuyển nhượng toàn bộ sử dụng thửa đất trên cho ông Hoàng Văn T theo Văn bản công chứng về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 2264 lập tại Văn phòng công chứng L, Hà Nội. Ngày 02/8/2010, ông Hoàng Văn T được UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 665784.

Ngày 25/6/2011, ông Hoàng Văn T và vợ là bà Nguyễn Thị H nhượng một phần thửa đất trên cho bà Khúc Thị Ánh H theo Hợp đồng nhượng quyền sử dụng đất số 6310 tại Văn phòng công chứng G, thành phố Hà Nội. Ngày 27/7/2011, bà Khúc Thị Ánh H được UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 183070.

Ngày 22/8/2011, bà Khúc Thị Ánh H và chồng là ông Hoàng Quang K tặng cho thửa đất trên cho bà Hoàng Thị D theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 6903 tại Văn phòng công chứng G, thành phố Hà Nội. Ngày 31/8/2011,

Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện G xác nhận tại trang 3 của Giấy chứng nhận số BG 183070.

Ngày 04/3/2013, bà Hoàng Thị D chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Hoàng Quang Mải theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 322 tại Văn phòng công chứng G, thành phố Hà Nội; Ngày 25/3/2013, ông Hoàng Quang Mải được UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 908849.

Ngày 31/7/2013, ông Hoàng Quang Mải và vợ là bà Phạm Thị Nữ chuyển nhượng thửa đất trên cho anh Dương Văn P theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1292 tại Văn phòng công chứng G, thành phố Hà Nội; Ngày 09/8/2013, ông Dương Văn P được UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 957085.

[5]. Như vậy thửa đất số 43(1), tờ bản đồ 31, diện tích 141m^2, địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội (nay là Thôn L, xã T, thành phố Hà Nội) được tách thành 02 thửa là thửa đất số 43(1), tờ bản đồ số 31, diện tích 78m^2 (SDR: 59,7m^2; SDC: 18,3m^2) đứng tên ông Hoàng Văn T và thửa đất số 43(1)-1, tờ bản đồ số 31, diện tích 81,3m^2 (SDR: 63m^2; SDC: 18,3m^2) đứng tên anh Dương Văn P.

Anh Dương Văn P đã được UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CH07841/1760/QĐ-UBND ngày 09/8/2013 được xác định là tài sản chung của vợ chồng anh Dương Văn P và chị Nguyễn Thị Thanh H và chị Nguyễn Thị Thanh H được giao quyền sở hữu và sử dụng ngôi nhà 02 tầng 01 tum xây dựng trên diện tích đất 63m^2 (đo hiện trạng thực tế là 60,2m^2) thuộc thửa đất này theo quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình số 68/2019/HNGĐ-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, trong quyết định của bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm trên không quyết định về diện tích 18,3m^2 ngõ đi chung giữa thửa đất số 43(1)-1, tờ bản đồ số 31 của anh Dương Văn P với thửa đất số 43(1), tờ bản đồ số 31 của ông Trọng và bà Hằng nên chị H không thực hiện được việc sang tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Nay, chị H khởi kiện yêu cầu công nhận phân chia cho chị được quyền sử dụng diện tích 18,3m^2 đất ngõ đi chung vào diện tích nhà đất chị được Tòa án chia là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện: Diện tích 18,3m^2 đất ngõ đi chung theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích hiện trạng đo thực tế là 16,8m^2.

[6]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

- Chị Nguyễn Thị Thanh H được quyền sử dụng chung diện tích 18,3m^2 (diện tích đo đạc thực tế theo hiện trạng là 16,8m^2) đất ngõ đi chung vào diện tích nhà đất được chia theo Bản án hôn nhân và gia đình số 68/2019/HNGĐ-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội *(có sơ đồ đo vẽ kèm theo).*

- Chị Nguyễn Thị Thanh H có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật theo quyết định của bản án.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

[7]. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm thay cho bị đơn nên ghi nhận.

*** Về quyền kháng cáo:**

[8]. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 245, 248, 254 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 235 và 236 của Luật Đất đai năm 2024;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh H với anh Dương Văn P

1.1. Chị Nguyễn Thị Thanh H được quyền sử dụng chung diện tích 18,3m^2 (diện tích đo đạc theo hiện trạng là 16,8m^2) đất ngõ đi chung vào diện tích nhà đất được chia theo Bản án hôn nhân và gia đình số 68/2019/HNGĐ-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội *(có sơ đồ đo vẽ kèm theo).*

1.2. Chị Nguyễn Thị Thanh H có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật theo quyết định của bản án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh H tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị H đã nộp 2.287.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 65948 ngày 16/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội. Nay, chị H được hoàn trả lại số tiền 1.987.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKSND thành phố Hà Nội;*
- *VKSND Khu vực 5 - Hà Nội;*
- *Cục THADS huyện G, thành phố Hà Nội (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 - Hà Nội);*
- *Các đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ vụ án.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Quang Dũng